

Số: 244/QĐ-THPTNĐC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Công khai thực hiện dự toán thu chi đến quý 1 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 2801/QĐ-SGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026.

Căn cứ Quyết định số 503/QĐ-SGDĐT ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 1).

Theo đề nghị của bộ phận Kế toán;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý 1 năm 2026 (Kèm theo biểu số 75 công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách 3 tháng)

Điều 2: Bộ phận tài chính theo dõi và thực hiện theo quyết định đã ban hành.

Điều 3: Ban giám hiệu Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu và các bộ phận có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Niêm yết;
- Đăng website
- Lưu: VT, KT.



HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Chí Công

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
03 THÁNG**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 03 tháng như sau:

Đơn vị: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 3 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		4.626.435.693	14%	
I	Nguồn ngân sách trong nước		4.626.435.693	14%	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo		4.626.435.693	14%	
1.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	188.537.204	-	0%	
1.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	33.397.915.985	4.626.435.693	14%	

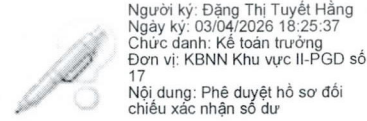
Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 04 tháng 5 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Đỗ Chí Công



Người ký: Đặng Thị Tuyết Hằng
Ngày ký: 03/04/2026 18:25:37
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực II-PGD số 17
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

Mã chương: 422

Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu

Mã ĐVQHNS: 1085123

Mã cấp NS: 2

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Tháng 1 đến tháng 3 Năm 2026

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	074	00000	0	13.930.445.000	14.620.685.000	14.620.685.000	14.620.685.000	3.349.475.408	3.349.475.408	0	0	0	11.271.209.592
13	074	00000	188.537.204	0	0	0	188.537.204	0	0	0	0	0	188.537.204
14	074	00000	709.446.985	17.271.784.000	17.271.784.000	17.271.784.000	17.981.230.985	1.276.960.285	1.276.960.285	0	0	0	16.704.270.700
18	074	00000	0	796.000.000	796.000.000	796.000.000	796.000.000	0	0	0	0	0	796.000.000
Cộng:			897.984.189	31.998.229.000	32.688.469.000	32.688.469.000	33.586.453.189	4.626.435.693	4.626.435.693	0	0	0	28.960.017.496
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 3 tháng 4 năm 2026

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Mai Vân Nga

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 3 tháng 4 năm 2026

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Đặng Thị Tuyết Hằng
Ngày ký: 03/04/2026 18:25:37
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KHNSN Khu vực II-PGD số 17

Đặng Thị Tuyết Hằng

Người ký: Nguyễn Thị Cẩm
Ngày ký: 03/04/2026 11:24:10
Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu

Nguyễn Thị Cẩm

Người ký: Đỗ Chí Công
Ngày ký: 03/04/2026 11:25:27
Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu

Đỗ Chí Công



Người ký: Đặng Thị Tuyết Hằng
 Ngày ký: 03/04/2026 18:25:37
 Chức danh: Kế toán trưởng
 Đơn vị: KBNN Khu vực II-PGD số 17
 Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

Mã chương: 422

Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu

Mã ĐVQHNS: 1085123

Mã cấp NS: 2

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
 Tháng 1 đến tháng 3 Năm 2026

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	12	074	6001	00000	0	0	1.269.430.830	1.269.430.830	1.269.430.830	1.269.430.830
Phụ cấp chức vụ	12	074	6101	00000	0	0	24.361.500	24.361.500	24.361.500	24.361.500
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	12	074	6107	00000	0	0	894.000	894.000	894.000	894.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	12	074	6112	00000	0	0	364.702.384	364.702.384	364.702.384	364.702.384
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	12	074	6113	00000	0	0	4.246.500	4.246.500	4.246.500	4.246.500
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	12	074	6115	00000	0	0	219.238.749	219.238.749	219.238.749	219.238.749
Bảo hiểm xã hội	12	074	6301	00000	0	0	257.215.283	257.215.283	257.215.283	257.215.283
Bảo hiểm y tế	12	074	6302	00000	0	0	45.390.933	45.390.933	45.390.933	45.390.933
Kinh phí công đoàn	12	074	6303	00000	0	0	30.260.622	30.260.622	30.260.622	30.260.622
Bảo hiểm thất nghiệp	12	074	6304	00000	0	0	15.130.311	15.130.311	15.130.311	15.130.311
Các khoản đóng góp khác	12	074	6349	00000	0	0	7.565.155	7.565.155	7.565.155	7.565.155
Chi khác	12	074	6299	00000	0	0	8.046.000	8.046.000	8.046.000	8.046.000
Chi khác	12	074	6449	00000	0	0	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000
Tiền điện	12	074	6501	00000	0	0	79.413.627	79.413.627	79.413.627	79.413.627
Tiền nước	12	074	6502	00000	0	0	142.830	142.830	142.830	142.830
Tiền vệ sinh, môi trường	12	074	6504	00000	0	0	3.592.800	3.592.800	3.592.800	3.592.800

Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	12	074	6601	00000	0	0	125.400	125.400	125.400	125.400
Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	12	074	6605	00000	0	0	3.865.884	3.865.884	3.865.884	3.865.884
Thuê phương tiện vận chuyển	12	074	6751	00000	0	0	9.100.000	9.100.000	9.100.000	9.100.000
Thuê đào tạo lại cán bộ	12	074	6758	00000	0	0	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000
Tài sản và thiết bị văn phòng	12	074	6913	00000	0	0	8.061.000	8.061.000	8.061.000	8.061.000
Chi các khoản phí và lệ phí	12	074	7756	00000	0	0	5.091.600	5.091.600	5.091.600	5.091.600
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	12	074	7766	00000	0	0	837.600.000	837.600.000	837.600.000	837.600.000
Lương theo ngạch, bậc	14	074	6001	00000	0	0	724.171.950	724.171.950	724.171.950	724.171.950
Phụ cấp chức vụ	14	074	6101	00000	0	0	13.897.500	13.897.500	13.897.500	13.897.500
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	14	074	6107	00000	0	0	510.000	510.000	510.000	510.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	14	074	6112	00000	0	0	208.051.695	208.051.695	208.051.695	208.051.695
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	14	074	6113	00000	0	0	2.422.500	2.422.500	2.422.500	2.422.500
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	14	074	6115	00000	0	0	125.069.083	125.069.083	125.069.083	125.069.083
Bảo hiểm xã hội	14	074	6301	00000	0	0	146.733.551	146.733.551	146.733.551	146.733.551
Bảo hiểm y tế	14	074	6302	00000	0	0	25.894.157	25.894.157	25.894.157	25.894.157
Kinh phí công đoàn	14	074	6303	00000	0	0	20.134.055	20.134.055	20.134.055	20.134.055
Bảo hiểm thất nghiệp	14	074	6304	00000	0	0	5.760.101	5.760.101	5.760.101	5.760.101
Các khoản đóng góp khác	14	074	6349	00000	0	0	4.315.693	4.315.693	4.315.693	4.315.693
Cộng:					0	0	4.626.435.693	4.626.435.693	4.626.435.693	4.626.435.693
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

Ngày 3 tháng 4 năm 2026

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Mai Vân Nga

Người ký: Đặng Thị Tuyết Hằng
Ngày ký: 03/04/2026 18:25:37
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực II-PGD số 17

Đặng Thị Tuyết Hằng

Ngày 3 tháng 4 năm 2026

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Thị Cẩm
Ngày ký: 03/04/2026 11:21:23
Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu

Người ký: Đỗ Chí Công
Ngày ký: 03/04/2026 11:23:27
Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu

Nguyễn Thị Cẩm

Đỗ Chí Công